

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÁ THƯỚC
TỈNH THANH HOÁ**

Bản án số: 34/2022/DS-ST

Ngày 16 - 8- 2022

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Cao Xuân Bằng

2. Ông Trương Cao Quý

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thuật – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 04/2022/TLST - DS ngày 22/02/2022 về vụ án: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/QĐXX-ST ngày 14/07/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2022/QĐST-DS ngày 28/7/2022 giữa;

Nguyên đơn: Bà Lê Thị T sinh năm 1952 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn V , xã Á T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Hà Thị M ; Sinh năm 1956 (có mặt).

Nơi cư trú: Thôn Đ , xã Á T , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 17/4/2015 bà Mãi có vay của bà T g 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng). Hẹn trả nợ vào 30/4/2014 không thỏa thuận lãi. Đến hạn trả nợ bà M không trả, bà T đã nhiều lần hỏi nợ bà M đều khát nợ. Lần khát nợ sau cùng là vào đầu năm 2022 và bà M i vẫn không trả nợ. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà M trả toàn bộ số tiền đã vay bà T là 43.500.000đ(Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị đơn bà M trình bày ý kiến trong biên bản lấy lời khai. Trước đây bà M làm tổ trưởng tổ vay vốn nên có hạn đến hạn không trả được cho Ngân hàng bà M phải đứng ra đi vay tiền để đảo sổ hộ cho thành viên vay vốn. Bà M công nhận có vay của bà T 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) đến hạn chưa trả được cho bà T. Bà M có khát nợ bà T nhiều lần nhưng do bà M chưa lấy được nợ nên chưa có tiền trả cho bà T. Nay bà T khởi kiện thì bà M sẽ có trách nhiệm trả số tiền đã vay cho bà T là 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Tại phiên tòa bà T giữ nguyên yêu cầu khởi kiện bà M phải trả toàn bộ tiền gốc là 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa bị đơn bà M xin bà Thắng cuối năm 2022 sẽ thu xếp trả số tiền 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng) vì hiện nay bà M đang rất khó khăn mong bà T thông cảm.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng từ khi thụ lý đến khi xét xử thẩm phán, thư ký và HĐXX tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng và ban hành các văn bản tố tụng đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung giải quyết vụ án căn cứ: Các 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Hà Thị Mãi trả số tiền 43.500.000đ cho bà Lê Thị T

Về án phí: Áp dụng Điểm đ khoản 1 Điều 12; Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho bị đơn và trả lại toàn bộ tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định trình tự tố tụng của Bộ Luật tố tụng dân sự.

[2] *Quan hệ pháp luật*: Đây là vụ án “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

[3] *Về nội dung vụ án*: Đây là hợp đồng vay (tiền mặt) có có thời hạn và không lãi.

Các đương sự đều công nhận ngày 17/4/2014 bà Hà Thị M có vay của bà Lê Thị T 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), giấy vay tiền không thỏa thuận lãi. Căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự đây là chứng cứ không phải chứng minh.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị T yêu cầu bà Hà Thị M trả toàn bộ số tiền gốc 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng), yêu cầu trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

Về trách nhiệm trả nợ: Theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 quy định “Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ khi đến hạn”. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự

Về án phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn, bị đơn trên 60 tuổi. HĐXX miễn án phí cho bị đơn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ áp dụng:

- Căn cứ áp dụng: Các Điều 357; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

-Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ: Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị T .

Về yêu cầu khởi kiện bà Hà Thị M trả toàn bộ số tiền gốc là 43.500.000đ (Bốn mươi ba triệu năm trăm nghìn đồng).

3. Buộc bà Hà Thị M có trách nhiệm trả cho bà Lê Thị T g tiền gốc là 43.500.000đ (Bốn ba triệu năm trăm nghìn đồng).

4. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

5. Về án phí: Bà Hà Thị M được miễn toàn bộ án phí dân sự của số tiền phải trả nợ.

Hoàn trả lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị T do anh Lê Văn H g nộp hộ là là 1.087.000đ (Một triệu không trăm tám mươi bảy nghìn). Theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

AA/2021/0008532 ngày 17 tháng 02 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bá Thước.

6. Bản án này được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thi hành theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt bà Lê Thị T và bà Hà Thị M , bà T và bà M có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Chi cục THADS huyện BT

.....

- Lưu hồ sơ vụ án.

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo

Cao Xuân Bằng

Trần Thị Quyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Yến

Nguyễn Văn Đàn

Trần Thị Quyên

